

Biểu mẫu 09

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS THÔNG TÂY HỘI

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường THCS Thông Tây Hội

Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>- Học sinh trong độ tuổi qui định theo Quy chế Tuyển sinh và Điều lệ Trường trung học của Bộ GD&ĐT, đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học trên địa bàn quận Gò Vấp năm học 2022-2023.</p> <p>- Thực hiện theo Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024.</p> <p>- Địa bàn tuyển sinh:</p> <p>+ Học sinh diện thường trú: Phường 11 các khu phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và Phường 9 các khu phố 8, 9.</p> <p>+ Diện tạm trú: Phường 11 các khu phố: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13.</p> <p>+ Diện thường trú và tạm trú Phường 9 các khu phố: 6, 7.</p>	Học sinh lớp 6 được lên lớp 7	Học sinh lớp 7 được lên lớp 8	Học sinh lớp 8 được lên lớp 9
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành cấp THCS của Bộ Giáo dục và Đào tạo		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Theo Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS.</p> <p>- Học sinh chấp hành nghiêm túc nội quy nhà trường.</p> <p>- Học sinh có thái độ tích cực học tập, tu dưỡng và rèn luyện.</p> <p>- Trung thực trong học tập, trong kiểm tra và thi cử.</p>			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>- Đủ phòng học, đủ bàn ghế, đủ các trang thiết bị và đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác giáo dục của nhà trường.</p> <p>- Thực hiện tốt công tác khuyến học hỗ trợ, trao học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>- Tổ chức tốt hoạt động ngoài giờ lên lớp theo hướng tích hợp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo và các câu lạc bộ, đội nhóm, các hoạt động văn nghệ, TDTT.</p>			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Trên 98%	Trên 98%	Trên 98%	100%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	100%	100%

Gò Vấp, ngày 15 tháng 6 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Như

Biểu mẫu 10

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS THÔNG TÂY HỘI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của
Trường trung học cơ sở Thông Tây Hội - Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm (rèn luyện)	1324	312	260	365	387
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1208 91.24%	294 94.23%	234 90.00%	323 88.49%	357 92.25%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	100 7.55%	18 5.77%	25 9.62%	28 7.67%	29 7.49%
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	16 1.21%	0 0.00%	1 0.38%	14 3.84%	1 0.26%
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực (học tập)	1324	312	260	365	387
1	Giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	805 60.80%	195 62.50%	139 53.46%	239 65.48%	232 59.95%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	392 29.61%	87 27.88%	93 35.77%	96 26.30%	116 29.97%
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	119 8.99%	26 8.33%	27 10.38%	27 7.40%	39 10.08%
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.60%	4 1.28%	1 0.38%	3 0.82%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	/	/	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1324	312	260	365	387
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1316 99.40%	308 98.72%	259 99.62%	362 99.18%	387 100.00%
a	Học sinh giỏi, học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	786 59.37%	194 62.18%	136 52.31%	229 62.74%	227 58.66%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	220 16.62%	/	/	99 27.12%	121 31.27%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.60%	4 1.28%	1 0.38%	3 0.82%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	06/09 0.5%/0.7%	4/4 1.3%/1.3%	0/01 0%/0.4%	02/03 0.5%/0.8%	0/01 0%/0.3%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	4	1	2	1	2

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	(tỷ lệ so với tổng số)	30.2%	32.1%	76.9%	27.4%	51.7%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận/huyện	33		4	9	20
2	Cấp tỉnh/thành phố	55	15	17	8	15
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	387				387
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	387				387
1	Giỏi	227				227
	(tỷ lệ so với tổng số)	58.66%				58.66%
2	Khá	121				121
	(tỷ lệ so với tổng số)	31.27%				31.27%
3	Trung bình	39				39
	(Tỷ lệ so với tổng số)	10.08%				10.08%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
	(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	717/597	164/148	154/106	195/170	214/173
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	20	1	4	7	8

Gò Vấp, ngày 15 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Tuyết Như